

Số: 968 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phiên bản 2.0;

Căn cứ Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 30/TTr-STTTT ngày 05 tháng 04 năm 2024 về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTr.Tỉnh ủy, TTr.HĐND tỉnh (b/c);
- Các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban chỉ đạo CDS tỉnh;
- Lưu: VT, VX8.

(2)



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thọ



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024**

(Kèm theo Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 28/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3769/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phiên bản 2.0;

Căn cứ Quyết định số 4167/QĐ-UBND ngày 27/11/2021 của Chủ tịch

UBND tỉnh Phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 20/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyên đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 30/TTr-STTTT ngày 05/04/2024; Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Kế hoạch Chuyên đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

- Tiếp tục thực hiện, triển khai các nhiệm vụ để đạt được mục tiêu theo Nghị quyết 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính.

- Ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược của Quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đưa ứng dụng công nghệ số và dữ liệu số để cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp của cơ quan nhà nước nhằm đổi mới phương thức phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; đảm bảo công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Phần đầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc top 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về mức độ chuyển đổi số.

II. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thanh cơ sở.

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, tổ chức các Hội nghị, Hội thảo chuyên đề về chuyển đổi số; phổ cập kỹ năng số, chuyển đổi số cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền cán bộ, công chức, viên chức, người dân hưởng ứng tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia (Zalo) để cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

- Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, nhất là dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số với nội dung thiết thực, hiệu quả, có kế hoạch, nội dung cụ thể.

- Xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.

2. Thẻ chế số

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử.

- Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu xây dựng và ban hành quy chế quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

3. Về công nghiệp công nghệ thông tin

- Triển khai Kế hoạch thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Ban hành, triển khai Đề án xây dựng vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo.

- Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ số trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, phát triển, sản xuất và cung cấp các giải pháp, sản phẩm, nền tảng công nghệ số ứng dụng cho ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy hình thành doanh nghiệp công nghệ số từ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khoa học công nghệ.

4. Về số hóa các ngành kinh tế

- Triển khai ứng dụng công cụ đánh giá, đo lường tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện khâu đột phá về chuyển đổi số tại các ngành, lĩnh vực như y tế; giáo dục và đào tạo; giao thông vận tải, logistics trong hậu cần cảng; tài nguyên và môi trường; du lịch; tài chính ngân hàng; nông nghiệp; công nghiệp, năng lượng, thương mại.

- Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án liên quan đến công nghiệp công nghệ thông tin (các sản phẩm điện, điện tử, vi mạch, bán dẫn, các sản phẩm internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo...) trong các khu công nghiệp.

5. Quản trị số

- Triển khai, vận hành các Nền tảng: Phân tích xử lý dữ liệu tỉnh; Trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; Trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức; Giám sát An ninh mạng (SOC); Hệ thống rà quét, khai thác thông tin trên môi trường mạng (giám sát mạng xã hội).

- Triển khai, vận hành Nền tảng Chỉ đạo điều hành và quản trị cho cơ quan quản lý nhà nước (Nâng cấp, phát triển phần mềm Chỉ đạo điều hành thành “Hệ thống theo dõi nhiệm vụ”)

6. Dữ liệu số

- Triển khai thử nghiệm Kho dữ liệu số và Cổng dữ liệu mở của tỉnh nhằm cung cấp dữ liệu mở cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu, tổ chức đánh giá trước khi thực hiện các thủ tục đầu tư.

- Triển khai kế hoạch về dữ liệu mở, công bố danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý. Rà soát, ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

- Tổ chức triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước. Đẩy mạnh triển khai, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn tỉnh; kết nối thời gian thực với IOC, Kho dữ liệu số.

- Triển khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Tập trung xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành như: hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành Khoa học và Công nghệ; hệ thống thông tin - phần mềm quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu ngành Công Thương; Hệ thống cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao; Số hóa tài liệu lưu trữ không ở định dạng điện tử tại Lưu trữ lịch sử tỉnh; cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng; Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi, hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai ứng dụng dữ liệu số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai ứng dụng dữ liệu số du lịch để thực hiện đánh giá, phân loại và số hóa tài nguyên du lịch.

- Triển khai Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh.

- Thiết lập cơ sở dữ liệu và số hóa thông tin đa dạng sinh học và phân bố các loài sinh vật trong Vườn quốc gia Côn Đảo.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai.

7. Hạ tầng số

- Thực hiện kế hoạch thuê Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đáp ứng nhu cầu dùng chung hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng được triển khai trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi IPv6 trong hạ tầng mạng lưới, dịch vụ của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Đề án đã được phê duyệt.

- Tiếp tục triển khai và hoàn thiện nâng cấp hạ tầng mạng của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã kết nối hạ tầng WAN của tỉnh, nhằm đảm bảo an toàn thông tin, hoạt động ổn định, thông suốt; đảm bảo kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công việc nhanh chóng, hiệu quả hơn.

- Phát triển mạng viễn thông hiệu quả và bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạng viễn thông tại các vùng lõm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động đạt 40 Mbps. Khuyến khích các doanh nghiệp nhân rộng việc xây dựng, phát triển mạng 5G trên địa bàn tỉnh.

8. Nền tảng số

- Hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh, kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Triển khai sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng đại học số và kho tài nguyên giáo dục số quốc gia phục vụ công tác giảng dạy cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, hoàn thành chỉ tiêu của tỉnh về thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- Triển khai các nền tảng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông như: Nền tảng Trợ lý ảo; Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia; Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia; Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động; Nền tảng QR Code liên thông,...

- Nghiên cứu và từng bước áp dụng, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để phục vụ cán bộ công chức và người dân doanh nghiệp.

9. Nhân lực số

- Cử thành viên tham gia các chương trình đào tạo về Chuyển đổi số do Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức để nắm bắt và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

10. An toàn thông tin mạng

- 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng, bao gồm cả trang thông tin điện tử của các đơn vị cấp xã.

- 100% máy tính được cài đặt các chương trình phòng, chống virus và sử dụng hệ điều hành có bản quyền; các thiết bị bảo mật, thiết bị mạng thường xuyên được nâng cấp, cập nhật các bản vá lỗi.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, phổ biến về trách nhiệm và kỹ năng cơ bản để bảo đảm an toàn thông tin khi tham gia ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan quản lý nhà nước.

- Khuyến khích 100% các trường trung học cơ sở trở lên triển khai Chương trình tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm an toàn, an ninh thông tin.

- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo cấp độ cho hệ thống thông tin Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh. Sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2024.

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân. Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về an toàn thông tin cho đối tượng chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin của tỉnh.

11. Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Duy trì 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định được số hóa.

- 60% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa, không phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp

chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- 85% hồ sơ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số hồ sơ thanh toán. 40% giá trị thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giá trị thanh toán. 65% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 60% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo sử dụng trợ lý ảo, khai thác dữ liệu từ Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh qua tài khoản được cấp.

- 100% phản ánh, kiến nghị của người dân tiếp nhận trên hệ thống Phản ánh hiện trường được xử lý đúng tiến độ, kịp thời.

- Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thường xuyên rà soát, công bố, công khai Danh mục dịch vụ công trực tuyến trong nội bộ các cơ quan nhà nước.

- Duy trì, hoàn thiện kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư (Đề án 06) với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng biên lai điện tử trong thu phí, lệ phí thủ tục hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng, triển khai hệ thống Tổng đài tự động CallBot giải đáp các thủ tục hành chính công của tỉnh.

- Duy trì thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin Báo cáo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Duy trì Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đảm bảo việc liên thông 03 cấp và đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ, của tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 45/2020 ngày 08/4/2020 và Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ, gắn việc số hóa với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo đúng quy định.

- Duy trì, hoàn thiện, nâng cấp các phần mềm, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh như: Thư điện tử công vụ; Nâng cấp phần mềm Chỉ đạo điều hành và quản trị cho cơ quan quản lý nhà nước thành “Hệ thống theo dõi nhiệm vụ”;

phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm chấm điểm Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) của tỉnh;...

- Triển khai Hệ thống rà quét, khai thác thông tin trên môi trường mạng (giám sát mạng xã hội).

- Tiếp tục thực hiện phần việc còn lại của nhiệm vụ “Xây dựng ngân hàng câu hỏi trực tuyến trên nền tảng và giải pháp số cho bài kiểm tra, khảo sát và kiểm tra trực tuyến với một số môn trong trường phổ thông”.

- Triển khai mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh để phục vụ họp trực tuyến các cấp.

- Xây dựng, tích hợp hệ thống Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại lưu trữ cơ quan vào phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.

- Đánh giá việc triển khai thí điểm xã chuyển đổi số (xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa), tiến tới nhân rộng một vài xã, phường trên địa bàn.

- Xây dựng chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số; phần mềm chấm điểm Chỉ số Chuyển đổi số (DTI) của tỉnh; App Dịch vụ công; triển khai Mini app Zalo để thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính.

- Cập nhật Chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh phù hợp với tiêu chí đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông.

11. Kinh tế số

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (viết tắt là GRDP) đạt 16%.

- 95% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số. 55% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số. Duy trì trên 51% doanh nghiệp nhỏ và vừa có website với tên miền .vn

- Duy trì 100% sản phẩm có giấy chứng nhận OCOP của tỉnh đủ điều kiện được đưa lên sàn thương mại điện tử.

- Trên 85% hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử (có gian hàng).

- Khuyến khích ứng dụng các giải pháp thanh toán trực tuyến trong xã hội.

- Ứng dụng đánh giá, đo lường tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa để phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thúc đẩy thương mại điện tử, thương mại số, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.

- Tiếp tục thúc đẩy mạnh sử dụng hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử gắn với phát triển kinh tế số.

12. Xã hội số

- Phần đầu 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; trước tiên, mỗi hộ gia đình có một điện thoại thông minh.

- Duy trì 100% hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng.

- 60% xã, phường, thị trấn triển khai hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

- 70% dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử. 20% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân. 75% dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến.

- Trên 87% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- 40% dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa. Duy trì trên 90% dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử.

- 50% cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).

- Trên 95% thanh toán hóa đơn viễn thông, truyền hình không dùng tiền mặt. Trên 80% thanh toán hóa đơn nước không dùng tiền mặt.

- Thúc đẩy trên 95% các siêu thị, nhà hàng, trung tâm mua sắm, tiểu thương,... chấp nhận phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- 70% số người hưởng lương hưu, trợ cấp sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Triển khai ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường, trong công tác giảng dạy và học tập trong trường học các cấp.

- Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở đại trà về kỹ năng số (MOOCS) do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì.

- Tiếp tục thiết lập, triển khai hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã, khu phố, thôn, ấp, hướng tới hiệu quả; trong đó, Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Mua sắm trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Ngoài ra, tổ chức hướng dẫn thêm kỹ năng số cơ bản khác như sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, Du lịch, Logistics, Y tế, Giáo dục,...

- Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trên địa bàn tỉnh đảm bảo các mục tiêu đề ra. Người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử được sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe, từng bước thay thế y bạ giấy.

13. Phát triển đô thị thông minh và triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân

- Trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2020-2022, định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu trên nền tảng ICT, số hóa dữ liệu, tiên tiến hình thành kho dữ liệu số của tỉnh.

- Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ICT sẵn sàng, đủ điều kiện tối thiểu cho phát triển các dịch vụ đô thị thông minh (giai đoạn 1).

- Đưa vào vận hành chính thức Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh.

- Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý thông minh đối với các ngành, lĩnh vực: giáo dục, y tế, du lịch, giao thông vận tải.

- Triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân và nhu cầu đô thị đặc thù tại địa phương.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Truyền thông, nâng cao nhận thức, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, nhất là dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số với nội dung thiết thực, hiệu quả, có kế hoạch, nội dung cụ thể.

- Xây dựng đa dạng các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền chuyển đổi số (tin bài, thời sự, chuyên đề, clip, hình ảnh,...) thông qua nhiều hình thức linh hoạt, trực quan, dễ tiếp cận; tuyên truyền trên các loại hình báo chí, công thông tin điện tử, thông tin cơ sở, các nền tảng mạng xã hội.

- Xây dựng chương trình, triển khai hướng dẫn, tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyển đổi số, công nghệ số nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp đã triển khai thành công, từ đó nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số.

- Tổ công nghệ số cộng đồng phát huy hiệu quả trong việc tuyên truyền, phổ biến, chuyển tải các thông điệp thiết thực, gần gũi và kỹ năng số cơ bản thông qua các ấn phẩm tuyên truyền, hướng dẫn người dân cài đặt App “Smart BRVT”, các ứng dụng thông minh,... để người dân thôn, ấp, khu phố thuộc địa bàn quản lý nắm bắt được lợi ích mạng lại, sẵn sàng và tích cực tham gia.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn phổ biến về bộ chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và kết quả chuyên đổi số của tỉnh bằng nhiều hình thức. Tổ chức xếp hạng, vinh danh và nhân rộng các mô hình, tổ chức điển hình dẫn đầu trong chuyên đổi số.

- Xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai Ngày Chuyên đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (10/10) hưởng ứng Ngày Chuyên đổi số quốc gia năm 2024.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Người đứng đầu cấp ủy, Thủ trưởng, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác chuyên đổi số của cơ quan, đơn vị mình, xác định chuyên đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trong toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

- Ban Chỉ đạo Chuyên đổi số tỉnh chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, triển khai có hiệu quả và đảm bảo các mục tiêu đề ra; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai hàng tháng, quý.

- Ban Chỉ đạo Chuyên đổi số các sở, ban, ngành, địa phương chủ động, chịu trách nhiệm và thực hiện đồng bộ các giải pháp để triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Gắn công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về chuyên đổi số với trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và công tác đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị và đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức gương mẫu đi đầu trong chuyên đổi số.

- Việc triển khai các dự án, nhiệm vụ về chuyên đổi số tuân thủ nguyên tắc kế thừa và tiếp tục phát huy các kết quả, thành tựu từ hệ thống chính quyền điện tử, đô thị thông minh, phù hợp với điều kiện và đặc thù từng cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo hiệu quả, thiết thực, không để xảy ra lãng phí.

3. Đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo về kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho các cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức đoàn thể từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Triển khai đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, cán bộ nòng cốt chuyên đổi số để tham mưu triển khai chuyên đổi số, làm chủ thiết bị, hệ thống, nền tảng số của tỉnh.

- Triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp về chuyên đổi số; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo về chuyên đổi số.

4. Giải pháp tài chính

- Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số; ưu tiên triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông trong cơ quan nhà nước; khuyến khích các doanh nghiệp thử nghiệm các công nghệ mới, các giải pháp mới, các ý tưởng sáng tạo để nghiên cứu, vận dụng và đưa vào cuộc sống.

- Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án liên quan để thực hiện chuyển đổi số; nguồn đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, ngân sách tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc phạm vi kế hoạch được giao cho các sở, ban, ngành chủ trì, triển khai toàn tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm; địa phương có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, dự án trong kế hoạch.

5. Giải pháp hợp tác

- Phát huy các thỏa thuận hợp tác của tỉnh đã ký kết với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp số có uy tín, năng lực kinh nghiệm để tham gia xây dựng phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu, định hướng chuyển đổi số toàn diện; tham gia thẩm định, phản biện các chương trình, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hợp tác, tư vấn triển khai phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; phối hợp vận hành hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh, đảm bảo an toàn thông tin mạng; tiếp tục tham gia triển khai thí điểm các giải pháp, nền tảng số tại một số xã, phường, thị trấn.

- Tổ chức học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các tỉnh, thành phố trong cả nước về chuyển đổi số; hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ số, các trường, viện trong việc chuyển giao công nghệ, giải pháp và nền tảng số.

6. Kiểm tra, giám sát

- Định kỳ kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương thông qua hình thức kiểm tra trực tiếp, gián tiếp phù hợp tình hình thực tế.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao vai trò dẫn dắt chuyển đổi số của người đứng đầu; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, chính trị quan trọng để thường xuyên đôn đốc thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chỉ đạo công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị để các nhiệm vụ về chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, thống nhất.

- Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyên đổi số gắn với các nội dung cải cách hành chính để thúc đẩy cải cách hành chính, góp phần làm tăng hiệu quả quản lý, điều hành của tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổ chức giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch chuyên đổi số của các cơ quan, đơn vị và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch đảm bảo phù hợp với tiến độ và tình hình thực tế thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện hướng dẫn, có ý kiến về Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

3. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông bố trí dự toán chi thường xuyên cho các nhiệm vụ chuyên đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin được cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện dự án, các nhiệm vụ chuyên đổi số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Nội vụ

Tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai Chương trình cải cách hành chính với Kế hoạch này.

6. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 (bao gồm cả nhiệm vụ nổi bật, đột phá) tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành./.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024, đề nghị các đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện hiệu quả./.

(Đính kèm Phụ Lục I – Đánh giá kết quả thực hiện năm 2023; Phụ Lục II- Kết quả thực hiện Chỉ tiêu CDS 2023; Phụ Lục III- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ CDS 2023; Phụ Lục IV - Nhiệm vụ trọng tâm về CDS năm 2024)



Phụ lục I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 10/4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2023

(Theo Phụ lục II kèm theo).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023

Triển khai nhiệm vụ theo Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDŞ ngày 04/4/2023 của Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 180/QĐ-BCĐ ngày 26/6/2023 về Kế hoạch hoạt động năm 2023. Đến nay, kết quả thực hiện một số nhiệm vụ nổi bật như sau:

- Đã tổ chức triển khai kết nối, đồng bộ và tích hợp dữ liệu ngành, lĩnh vực của 26 cơ quan, đơn vị về IOC tỉnh với tổng số 841 chỉ tiêu (665 chỉ tiêu của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 176 chỉ tiêu các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh). Song song đó, phối hợp với Nhóm chuyên gia thống kê, phân tích, xử lý, dự báo từ IOC tỉnh và tổ chức hiển thị theo bảng (Dashboard) trên IOC tỉnh về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh, các chỉ tiêu của ngành, lĩnh vực.

- Ngoài việc vận hành IOC tỉnh tại Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh và cấp tài khoản IOC cho CBCCVC sử dụng, khai thác qua thiết bị làm việc văn phòng, tỉnh đã xây dựng các ứng dụng (App) trên thiết bị thông minh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và các ứng dụng phục vụ rộng rãi cho người dân, cụ thể:

+ Ứng dụng “Điều hành công việc” dành riêng lãnh đạo tỉnh nhằm kịp thời chỉ đạo, xử lý và cảnh báo hồ sơ, thủ tục dịch vụ công trực tuyến chậm, trễ hẹn;

+ Ứng dụng IOC Bà Rịa-Vũng Tàu tích hợp Trợ lý ảo phục vụ CBCCVC, với hơn 9.450 câu hỏi, 150 kịch bản; bằng những thao tác đơn giản, Trợ lý ảo giúp lãnh đạo có thể tra cứu, tìm kiếm thông tin một cách chính xác và nhanh chóng. Đến nay, đã có 2.865 lượt hỏi về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được Trợ lý ảo trả lời;

+ Ứng dụng Smart-BRVT (gồm: Phản ánh hiện trường, tra cứu thông tin quy hoạch xây dựng, giáo dục, du lịch, đường dây nóng, an sinh xã hội, đất đai, môi trường,...) nhằm phục vụ CBCCVC và người dân, doanh nghiệp thông qua 02 hệ điều hành Android, IOS.

- Triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật như: kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư (Đề án 06) với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

- Bổ sung chức năng, nhiệm vụ tham mưu về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông và phòng chuyên môn tương ứng ở cấp huyện. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công nghệ thông tin ở từng cơ quan, đơn vị để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành các lớp tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Triển khai ứng dụng Zalo để thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính.

- Triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế thuộc phạm vi quản lý.

- Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh số hóa điểm đến du lịch bằng mã QR (thêm 155 điểm).

- Chuyển đổi thư viện truyền thống sang thư viện điện tử.

- Đưa vào vận hành ứng dụng (app) Điều hành công việc của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với Nhóm chuyên gia để thống kê, phân tích, xử lý dữ liệu trên nền tảng IOC tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

- Đã tổ chức triển khai kết nối, đồng bộ và tích hợp dữ liệu ngành, lĩnh vực của 26 cơ quan, đơn vị về IOC tỉnh.

(Kèm theo Phụ lục III - Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023).

Một số kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023 như sau:

1. Nhận thức số

- Nhận thức và hành động về công tác chuyển đổi số có nhiều chuyển biến tích cực. Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh do đồng chí Chủ tịch làm Trưởng ban, các đồng chí Phó Chủ tịch tỉnh làm Phó Trưởng ban và thành viên gồm giám đốc/thủ trưởng các sở ngành liên quan. Cùng với đó, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tổ chức triển khai Đề án Truyền thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023, nội dung tuyên truyền tập trung liên quan đến các lĩnh vực cụ thể sau:

+ Kinh tế số, chuyển đổi số, thành phố thông minh, chính quyền điện tử, Du lịch; Nông nghiệp công nghệ cao; văn hóa, xã hội; nghệ thuật và môi trường sống; dịch vụ vận tải, cảng

biển, dịch vụ hậu cần cảng, logistic; an toàn giao thông, quốc phòng, đồng hành cùng phát triển; phát triển nông nghiệp xanh - Sản phẩm nông nghiệp sạch; văn hóa nông thôn; văn hóa làng nghề, an toàn sống, an ninh đô thị, an toàn giao thông; gìn giữ và khai thác tài nguyên môi trường, nông thôn mới; nhịp sống kinh tế; các vấn đề pháp luật và ứng dụng vào cuộc sống; văn hóa - nghệ thuật, kinh tế đầu tư, chính phủ điện tử; thành quả phòng, chống dịch bệnh COVID-19 của tỉnh trong thời gian qua; thành tựu nổi bật của tỉnh qua 30 năm thành lập trên các kênh phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài tỉnh.

+ Sử dụng được lợi thế và mặt tích cực của các trang mạng xã hội cần được xây dựng bài bản, sinh động, hấp dẫn; có đội ngũ quản trị và quản lý nội dung chuyên nghiệp; bảo đảm cung cấp thông tin cơ bản, thông tin cập nhật và các đầu mối kết nối về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh hướng tới các nhóm mục tiêu và đối tượng cụ thể, tạo hiệu quả cao và sức mạnh lan truyền tích cực về tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tổ chức 05 lớp đào tạo, bồi dưỡng về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho các CBCCVN với khoảng 400 học viên.

2. Thễ chế số

Trong năm, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành một số văn bản trong triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số như:

- Quyết định số 180/QĐ-BCĐ ngày 26/6/2023 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh về ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2023.

- Quyết định số 2704/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai giải pháp để nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho các sở, ban, ngành, địa phương và đề ra các giải pháp cụ thể để các cơ quan, đơn vị thực hiện.

- Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Diễn tập thực chiến an toàn thông tin, ứng cứu sự cố tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023.

- Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 27/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số năm 2023 theo Kế hoạch số 56/KH-STTTT ngày 30/9/2023 Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, Ngày Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023.

Bên cạnh đó, để đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số ở địa phương, là cơ quan tham mưu, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các Kế hoạch như:

- Kế hoạch số 13/KH-STTTT ngày 16/3/2023 tổ chức Hội nghị giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023;

- Kế hoạch số 51/KH-STTTT ngày 15/9/2023 về việc làm việc và hỗ trợ, thúc đẩy các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số tại các địa phương trên địa bàn tỉnh năm 2023;

- Kế hoạch số 65/KH-STTTT ngày 06/11/2023 triển khai ứng dụng Zalo nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Kế hoạch số 66/KH-STTTT ngày 20/11/2023 về tổ chức Hội thảo kết nối cung cầu sản phẩm, dịch vụ Công nghệ thông tin phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số khu vực Miền Nam tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Hạ tầng số

- Hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh về cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và hoạt động của đơn vị. Các trang thiết bị công nghệ thông tin thường xuyên được rà soát, có kế hoạch trang bị, thay thế đối với các thiết bị đã hết khấu hao, không sử dụng được; nhằm đảm bảo trang bị đầy đủ, kịp thời các phương tiện kỹ thuật cho các CBCCVC đảm nhiệm và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

- Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh đã được triển khai theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin và đưa vào vận hành theo công nghệ điện toán đám mây, nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng, lưu trữ dữ liệu và đảm bảo an toàn thông tin theo quy định.

- Đã đầu tư và đưa vào sử dụng Trục kết nối, liên thông quy mô cấp tỉnh (ESB) để đáp ứng việc gửi, nhận các văn bản liên thông và xây dựng hệ thống chứng thực một lần trên toàn tỉnh (CAS).

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh hoạt động ổn định, phục vụ các cuộc họp của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngoài ra, đã tổ chức nhiều cuộc họp trực tuyến do Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, với điểm cầu kết nối tới 08 huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn trong tỉnh.

- Trung tâm giám sát, điều hành Đô thị thông minh (IOC) tỉnh chính thức khai trương vận hành thử nghiệm năm 2022, đến nay, đã hoàn thành thành 07/07 hạng mục theo kế hoạch, bao gồm: hạ tầng phòng điều hành, hệ thống phần mềm lõi; tổng hợp chỉ tiêu kinh tế - xã hội; các ngành, lĩnh vực (y tế, giáo dục, du lịch, môi trường); hành chính công; hệ thống camera an ninh; hệ thống giám sát mạng xã hội; hệ thống giao tiếp người dân; hệ thống an toàn thông tin mạng. Việc đưa vào vận hành thử nghiệm Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh cùng với Trợ lý ảo, ứng dụng phản ánh hiện trường... trong thời gian qua đã hỗ trợ cho công tác chỉ đạo, điều hành, công khai, minh bạch thông tin quản lý.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã được xây dựng, dùng chung 3 cấp (tỉnh-huyện-xã) và được đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ thủ tục hành

chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%, với 548 dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Hạ tầng kỹ thuật, nền tảng số được quan tâm triển khai và phát triển với dịch vụ Trung tâm Tích hợp dữ liệu đạt tiêu chuẩn; mạng truyền số liệu chuyên dùng tốc độ cao; nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu được nâng cấp; các hệ thống mạng nội bộ được quan tâm củng cố, hoạt động ổn định... đáp ứng để triển khai các ứng dụng.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng đang được các cơ quan, đơn vị duy trì để đáp ứng việc vận hành, kết nối các ứng dụng dùng chung, như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, phần mềm Quản lý văn bản và điều hành, Thư điện tử công vụ... và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong quá trình trao đổi, gửi, nhận văn bản trên môi trường mạng. 100% các cơ quan, đơn vị đều kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng với tốc độ băng thông 30Mbps đối với Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh, 10Mbps đối với các sở, ban, ngành và cấp huyện, 4Mbps đối với cấp xã.

- Các nhà mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh đã triển khai thử nghiệm 10 trạm mạng 5G. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 09 đơn vị, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình bao gồm: VNPT, Viettel, MobiFone, Vietnamobile, FPT, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, SCTV, VTVcab, HTV. Hạ tầng viễn thông phát triển rộng khắp, công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo thông tin liên lạc trong nước và quốc tế, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương, đảm bảo cung cấp các dịch vụ viễn thông với chất lượng tốt, độ tin cậy cao.

- 100% xã, phường, thị trấn có trạm thu, phát sóng thông tin di động; tổng số trạm BTS 2G/3G/4G/5G là 2.262 trạm, trong đó 2G là 1.116 trạm, 3G là 1.521 trạm, 4G là 2.191 trạm, 5G là 10 trạm; hơn 5.220km tuyến cáp quang nội tỉnh được triển khai đến các xã, phường, thị trấn; thực hiện chỉnh trang, bó gọn hệ thống cáp treo viễn thông, truyền hình trên cột điện khoảng 500km; thực hiện ngầm hóa 52 tuyến đường, với chiều dài khoảng 71,70km; Hệ thống phát thanh, truyền hình phủ sóng rộng khắp, thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; các kênh chương trình, nội dung giải trí phong phú và đa dạng; vùng phủ sóng luôn ổn định, đảm bảo chất lượng.

4. Dữ liệu số

- Năm 2023, tỉnh tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và lập kế hoạch xây dựng kho dữ liệu của tỉnh; triển khai, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn thiếu; tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 50%.

- Đã triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân như: tra cứu thông báo thuế; tra cứu thông tin quy hoạch sử dụng đất; tra cứu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; hướng dẫn nộp hồ sơ thủ tục hành chính qua Tổng đài dịch vụ công tự động, app phản ánh hiện trường...

5. Nền tảng số

Triển khai thực hiện Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/2/2022 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từng bước triển khai áp dụng nền tảng số vào công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và xử lý công việc tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Cụ thể đã triển khai áp dụng 25/35 nền tảng theo danh mục của Bộ Thông tin và Truyền thông, như: nền tảng điện toán đám mây, nền tảng địa chỉ số, bản đồ số, nền tảng chia sẻ dữ liệu, tổng hợp phân tích dữ liệu, nền tảng hợp trực tuyến, học trực tuyến,... một số nhiệm vụ tiêu biểu trong năm 2023 như:

- Tổ chức công bố các nền tảng số, tập trung thúc đẩy sử dụng trên địa bàn tỉnh trong năm 2023: nền tảng trung tâm giám sát điều hành thông minh; nền tảng sàn thương mại điện tử; nền tảng thanh toán trực tuyến,...

- Đã đưa vào vận hành thử nghiệm Tổng đài giải đáp tự động dịch vụ công 1022 sử dụng công nghệ AI; Tiếp tục duy trì hoạt động IOC tỉnh, Trợ lý ảo phục vụ lãnh đạo tra cứu dữ liệu.

6. Nhân lực số

- Hiện nay, tại hầu hết các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đều đã bố trí người làm công tác công nghệ thông tin; 100% người làm kiêm nhiệm công tác công nghệ thông tin tại UBND cấp xã cũng đã được bố trí và đào tạo đảm bảo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại cấp xã.

- Trong năm, tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức theo Khung chương trình của Bộ Thông tin và Truyền thông; tập huấn kiến thức cơ bản, nâng cao về chuyển đổi số cho các đối tượng từ công chức, viên chức, công chức chuyên trách công nghệ thông tin đến lãnh đạo các cơ quan, đơn vị.

- Phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các lớp bồi dưỡng trên nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) tại địa chỉ onetouch.edu.vn cho đối tượng là lãnh đạo cơ quan chuyên trách và Đội ngũ nòng cốt của tỉnh; Lãnh đạo cấp phòng; Lãnh đạo cấp xã; Tổ công nghệ số cộng đồng.

- 100% các đơn vị đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng (503/503 tổ) với hơn 3.000 thành viên. Năm 2023, tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã, khu phố, thôn, ấp nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số, đưa công nghệ số vào mọi ngõ ngách cuộc sống.

7. An toàn thông tin mạng

- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đã hoàn thành, vượt chỉ tiêu của Ủy ban quốc gia và của tỉnh với tỷ lệ 93,55% (chỉ tiêu là 80%).

- Trong năm năm 2023, Tỉnh không ghi nhận sự cố mất an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống phòng chống Virus máy tính tập trung của tỉnh được duy trì trên 01 máy chủ cấp 1 tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và 03 máy chủ thứ cấp; số lượng user duy trì kết nối là 4.462 và 77 server kết nối trên hệ thống quản lý tập trung của tỉnh, được cập nhật lên Hệ thống kỹ thuật của NCSC.

- Thường xuyên phối hợp với Công an tỉnh và các phòng nghiệp vụ xử lý những vụ việc có liên quan đến thông tin xấu độc trên không gian mạng, đến nay chưa phát hiện được trường hợp nào để xử lý.

- Tỉnh đã tổ chức Hội nghị: “Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong đảm bảo an toàn thông tin khi tham gia khai thác, sử dụng dịch vụ định danh điện tử trong Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh”; tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2023 với chủ đề “Tấn công vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh”; tham gia diễn tập APCERT năm 2023 với chủ đề “Digital Supply Chain Redemption - Mua ứng dụng qua chuỗi cung ứng số”.

- Thuê dịch vụ an toàn thông tin cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu, gồm: Dịch vụ SOC; thực hiện giám sát, phát hiện, phân tích chuyên sâu và phòng chống tấn công APT; Dịch vụ tường lửa đa lớp; Dịch vụ dò quét mã độc; Dịch vụ phát hiện và ngăn chặn xâm nhập IPS/IDS; Dịch vụ tường lửa ứng dụng web (WAF); Dịch vụ chứng thực SSL; Dịch vụ kết nối mạng riêng ảo VPN; Dịch vụ cân bằng tải; Dịch vụ giám sát và quản trị hệ thống Trung tâm Tích hợp dữ liệu.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức liên quan thực hiện rà soát, đánh giá an toàn thông tin cho các nền tảng, hệ thống phục vụ kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư.

8. Chính quyền số

Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến đã đạt theo chỉ tiêu đề ra; một số cơ quan, đơn vị đã triển khai thí điểm mô hình ngày nhận hồ sơ trực tuyến tại Bộ phận Một cửa ở cả 3 cấp; trang thông tin điện tử của 82/82 xã, phường, thị trấn đã đưa vào vận hành, góp phần mở rộng thêm kênh tuyên truyền và đa dạng hóa thông tin trên môi trường số.

Tỷ trọng số hóa trong các hoạt động của chính quyền đã tăng lên, nhiều hoạt động và giao dịch của các cơ quan công quyền với nhau và với người dân đã được thực hiện trực tuyến, đẩy mạnh việc công khai, minh bạch; liên thông gửi, nhận văn bản điện tử giữa 4 cấp hành chính; 100% cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh đã xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng; rất nhiều cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh với bộ ngành Trung ương và các địa phương đều được tổ chức trực tuyến.

8.1. Các chỉ tiêu hoàn thành (14/16 chỉ tiêu) cụ thể:

Đã hoàn thành 10/11 chỉ tiêu theo Kế hoạch của Quốc gia; 14/16 chỉ tiêu theo Kế hoạch của Tỉnh, bao gồm: Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được

cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình **đạt 100%**; Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia **đạt 100%**; Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công **đạt 78,9%**; Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cấu hình thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/Cổng Dịch vụ công quốc gia **đạt 84,5%**; Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương **đạt 100%**; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến **từ xa đạt 50%**; Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến **đạt 95,5%**; Tỷ lệ hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý **đạt 83,15%**; Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản **đạt 57,91%**; Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin **đạt 93,55%**; Tỷ lệ cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng **đạt 100%**; Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trang thông tin điện tử (hoặc chuyên mục riêng) **đạt 100%**; Tỷ lệ cán bộ, công chức lãnh đạo sử dụng trợ lý ảo, khai thác dữ liệu từ Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh qua tài khoản được cấp **đạt 98%**; Tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được triển khai Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến **đạt 100%**.

8.2. Các chỉ tiêu chưa hoàn thành (02/16 chỉ tiêu), cụ thể:

a) Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa **đạt 70%**, tương ứng **380.635/544.285 hồ sơ số hóa** (chỉ tiêu 2023 là 100%), trong đó kết quả số hóa hồ sơ thủ tục hành chính từ ngày 29/5/2023 đến ngày 03/12/2023 **đạt 98%**. **Trách nhiệm: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông.**

- Nguyên nhân:

+ Do phần mềm Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính mới đưa vào hoạt động từ ngày 29/5/2023, nên các kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 28/5/2023 chưa thực hiện số hóa kịp thời, đầy đủ (*hiện tại các cơ quan, đơn vị đang thực hiện số hóa*).

+ Ngoài ra, quy trình số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính mới được Văn phòng Chính phủ hướng dẫn tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023.

- *Giải pháp:* Sở Thông tin và Truyền thông sẽ phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh đôn đốc, hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiếp tục số hóa kết quả hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định.

b) Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị của người dân tiếp nhận thông qua ứng dụng Phản ánh hiện trường trên IOC tỉnh được xử lý đúng tiến độ, kịp thời **đạt 64,15%** (chỉ tiêu 2023 là 100%). **Trách nhiệm: UBND cấp huyện, cấp xã.**

- *Nguyên nhân:* do UBND cấp xã chưa kịp thời giải quyết kiến nghị của người dân.

- *Giải pháp:* UBND cấp huyện sẽ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc UBND cấp xã thường xuyên xử lý phản ánh kiến nghị của người dân.

9. Kinh tế số

Nhận thức phát triển kinh tế số từng bước được lan tỏa trong cộng đồng doanh nghiệp, hộ gia đình; chương trình thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo được triển khai tích cực; bước đầu triển khai tiêu thụ sản phẩm lên không gian số, sàn thương mại điện tử, mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm từ giới hạn trong địa bàn, trong huyện, trong tỉnh ra quy mô quốc gia và thậm chí quốc tế; số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa đã thường xuyên tiếp cận và sử dụng các nền tảng số; hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đều sử dụng hóa đơn điện tử, qua đó đã hạn chế thất thoát ngân sách nhà nước...

9.1. Các chỉ tiêu hoàn thành (07/08 chỉ tiêu) cụ thể:

Đã hoàn thành 03/04 chỉ tiêu theo Kế hoạch của Quốc gia; 07/08 chỉ tiêu theo Kế hoạch của Tỉnh, bao gồm: Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ **đạt 10,116%**; Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số **đạt 90,1%**; Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số **đạt 50,13%**; Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử **đạt 100%**; Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa có website với tên miền .vn **đạt 51%**; Tỷ lệ sản phẩm có giấy chứng nhận OCOP của tỉnh đủ điều kiện được đưa lên sàn thương mại điện tử **đạt 100%**; Tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử (có gian hàng) **đạt 85%**.

9.2. Chỉ tiêu chưa hoàn thành (01/08 chỉ tiêu) cụ thể:

Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP¹ **đạt 8,48%** (chỉ tiêu 2023 là 16%).

Trách nhiệm: Cục Thống kê.

- *Nguyên nhân:*

+ Thống kê giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP là một hoạt động rất mới; trong khi theo quy định hiện hành, cấp tỉnh chưa tính toán được GRDP, mà phải do Tổng cục Thống kê tính toán cung cấp cho địa phương.

+ Do giá trị đầu vào chưa thống nhất; chưa xác định được phương pháp tính.

- *Giải pháp:*

+ Cục Thống kê có văn bản kiến nghị Tổng cục Thống kê sớm ban hành phương pháp tính toán chỉ tiêu này và kiến nghị tính tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh không bao gồm dầu khí.

¹ Số liệu ước tính do Sở TT&TT phối hợp với Học viện Công nghệ BCVT (Bộ TT&TT) tính toán.

+ Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Vụ Kinh tế số và Xã hội số, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông - Bộ Thông tin và Truyền thông đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ nghiên cứu phương pháp tính toán và công cụ đo lường kinh tế số, xã hội số.

10. Xã hội số

Tỉnh đã tạo điều kiện, khuyến khích phát triển hạ tầng xã hội số; đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 10 trạm mạng 5G do VNPT và Viettel triển khai; ngoài ra các doanh nghiệp viễn thông đã đồng hành cùng huyện Côn Đảo triển khai ứng dụng ký số cho hơn 20% số lượng người dân trưởng thành trên địa bàn huyện để triển khai dịch vụ công trực tuyến; phối hợp với các ngân hàng thương mại mở tài khoản ngân hàng, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt tại siêu thị, nhà hàng, chợ 4.0...

10.1. Các chỉ tiêu hoàn thành (14/15 chỉ tiêu) cụ thể:

Đã hoàn thành 08/09 chỉ tiêu theo Kế hoạch của Quốc gia, 14/15 chỉ tiêu theo Kế hoạch của Tỉnh, bao gồm: Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh **đạt 97,5%**; Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng **đạt 105,48%**; Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử **đạt 63,86%**; Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác **đạt 85,02%**; Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến **đạt 68,29%**; Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa **đạt 30%**; Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử **đạt 91%**; Tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học đang hoạt động đào tạo các trình độ cao đẳng, đại học đã tiến hành rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích, xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo **đạt 100%**; Tỷ lệ hộ gia đình trên toàn tỉnh được lắp đặt công tơ điện tử loại tự động gửi chỉ số điện **đạt 100%**; Tỷ lệ trường học các cấp triển khai ký số trên học bạ điện tử **đạt 100%**. Thanh toán hóa đơn viễn thông, truyền hình không dùng tiền mặt **đạt 93,8%**; Thanh toán hóa đơn nước không dùng tiền mặt **đạt 80,18%**; Thúc đẩy các siêu thị, nhà hàng, trung tâm mua sắm, tiểu thương,... chấp nhận phương thức thanh toán không dùng tiền mặt **đạt 94,27%**; Số người hưởng lương hưu, trợ cấp sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt **đạt 63%**.

10.2. Chỉ tiêu chưa hoàn thành (01/15 chỉ tiêu) cụ thể:

Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân **đạt 3,42%**, tương ứng số lượng là **31.157/ 911.125 chữ ký số** (chỉ tiêu 2023 là 20%). **Trách nhiệm: UBND cấp huyện, cấp xã.**

- *Nguyên nhân:* do phần lớn người dân chưa có nhu cầu và chưa thấy lợi ích sử dụng chữ ký số. Mặt khác, công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng ứng dụng ký số miễn phí để thực hiện dịch vụ công trực tuyến chưa sâu rộng.

- *Giải pháp:*

+ Tăng cường công tác tuyên truyền để người dân thấy được lợi ích, hiệu quả khi sử dụng chữ ký số.

+ Trong năm 2024, UBND cấp huyện, cấp xã vận động các nguồn xã hội hóa hoặc phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông (VNPT, Viettel...) để được cung cấp miễn phí (có hạn) cho người dân để thực hiện đăng ký hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh.

11. Phát triển Đô thị thông minh và triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân

a) Phát triển Đô thị thông minh:

Theo Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Đề án Phát triển đô thị thông minh gồm 12 nhiệm vụ thực hiện trong giai đoạn 2020-2022. Tính đến hết năm 2022, đã hoàn thành 05/12 nhiệm vụ; 07/12 nhiệm vụ chưa hoàn thành.

Trên cơ sở Công văn số 2982-CV/BCSĐ ngày 24/8/2023 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh; Công văn số 694-BC/ĐĐ ngày 09/11/2023 của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 22/01/2024 về dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2020-2022, định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

b) Triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân:

Căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 4079/UBND-VP ngày 10/4/2023, đến nay các đơn vị đang thực hiện như sau:

- Thành phố Vũng Tàu: hoàn thành công tác phân bổ kinh phí và phân cấp thẩm quyền cho thành phố Vũng Tàu tổ chức thực hiện Dự án “Xây dựng hệ thống quản lý điều hành đô thị thông minh thành phố Vũng Tàu” theo đúng quy định.

- Thành phố Bà Rịa: đã triển khai một số tiện ích phục vụ người dân trên địa bàn trong năm 2022 như: Trang bị 04 camera thông minh dùng công nghệ AI phục vụ việc thí điểm nhận dạng khuôn mặt và nhận dạng biển số xe để giám sát giao thông; Phần mềm nền tảng trung tâm điều hành dịch vụ tiện ích, Phần mềm Quản lý Camera VMS; Phần mềm tương tác người dân; Phần mềm Hỗ trợ tự động; Phần mềm Giám sát thông tin truyền thông... Trên cơ sở chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 9565/UBND-VP ngày 24/7/2023 về việc chủ trương gia hạn hợp đồng thuê một số dịch vụ tiện ích phục vụ người dân trên địa bàn thành phố Bà Rịa và Thông báo số 88/TB-STTTT ngày 03/10/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông, hiện, UBND thành phố Bà Rịa đang hoàn thiện, bổ sung hồ sơ theo quy định.

- Các địa phương còn lại: đang phối hợp với đơn vị tư vấn khảo sát để thực hiện.

12. Kinh phí thực hiện

Tỉnh đã bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án phát triển chính quyền số, chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước năm 2023 tại Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023./.



Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chuyên đổi số của tỉnh năm 2023)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Chỉ tiêu của UBND năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Kết quả đạt được trong năm 2023	Số hiệu	Đánh giá
1.	Tỷ lệ thu tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Các sở, ban, ngành, địa phương	VP UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo: VP UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	100%	100%	100%	402 DVCTT toàn trình	Đã hoàn thành chỉ tiêu của UBND và tỉnh.
2.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	VP UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo: VP UBND tỉnh	40%	50%	100%	402 DVCTT toàn trình	Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu của UBND, tỉnh
3.	Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo: VP UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	30%	30%	78,9%	70.328/89.136 giao dịch	Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu của UBND, tỉnh
4.	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cấu hình thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/ Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo: VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	60%	60%	84,5%	409/484	Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu của UBND
5.	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo: Sở Thông tin và Truyền thông	100%	100%	100%	73.838	Đã hoàn thành chỉ tiêu của UBND và tỉnh.

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Chỉ tiêu của UBND năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Kết quả đạt được trong năm 2023	Số hiệu	Đánh giá
6.	Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	VP UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	100%	100%	70%	380.635/ 544.285	- Do số hóa ngược (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 28/5/2023) mới đạt 70% kết quả số hóa nên chưa hoàn thành. - Hiện tại từ 29/5/2023 đến 20/12/2023 đã hoàn thành 98% kết quả số hóa.
7.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa	Các sở ban ngành, địa phương	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	50%	50%	50%	260.065/ 520.084 hồ sơ trực tuyến từ xa	Đã hoàn thành chỉ tiêu của UBND và tỉnh.
8.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến	Các sở ban ngành, địa phương	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	-	Phần đầu 100%	95,5%	520.084/ 544.285 hồ sơ trực tuyến.	Hoàn thành
9.	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	10%	10%	83,15%		Kiểm tra qua các ứng dụng dùng chung của tỉnh như phần mềm QLV&ĐH, HTTT giải quyết TTHC, IOC tỉnh, Chỉ đạo điều hành. Hoàn thành
10.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức	Các sở, ban,	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở	50%	50%	57,91%	2.606/	Đã hoàn thành

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Chỉ tiêu của UBND năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Kết quả đạt được trong năm 2023	Số liệu	Đánh giá
	được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	ngành, địa phương	Truyền thông	Thông tin và Truyền thông				4.500 CBCC, VC	Chỉ tiêu của UBNDQ và tỉnh.
11.	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	80%	80%	93,55%	29/31 đã hoàn thành	02 HTTT chưa hoàn thành: Trung tâm Tích hợp dữ liệu-Sở TT&TT; Sở Tư pháp. Đã hoàn thành chỉ tiêu của UBNDQ và tỉnh.
12.	Tỷ lệ công/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dân nhân tin nhiệm mạng.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	100%	100%	100%	29/29 cơ quan, đơn vị	21 sở, ban, ngành và 08 UBND các huyện, TX, TP. Đã hoàn thành chỉ tiêu của UBNDQ và tỉnh.
13.	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trang thông tin điện tử (hoặc chuyên mục riêng)	UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	-	100%	100%	82/82 đơn vị cấp xã	Hoàn thành
14.	Tỷ lệ cán bộ, công chức lãnh đạo sử dụng trợ lý ảo, khai thác dữ liệu từ Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh (IOC) qua tài khoản được cấp	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	-	100%	98%		Hoàn thành vì một số tài khoản đã được cấp phát nhưng đã chuyển vị trí công tác qua đơn vị khác.
15.	Tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được triển khai Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	-	100%	100%		Đã hoàn thành
16.	Tỷ lệ phân ảnh, kiến nghị của người dân tiếp nhận trên hệ thống phân ảnh	Các sở, ban, ngành, địa	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	-	100%	64,15%		Chưa hoàn thành

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Chỉ tiêu của UBND năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Kết quả đạt được trong năm 2023	Số liệu	Đánh giá
	hiện tương được xử lý đúng tiến độ, kịp thời	phương		Truyền thông					
II	Kinh tế số (đã hoàn thành 03/04 chỉ tiêu của UBND, 07/08 chỉ tiêu của tỉnh)								
1	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	16%	16%	8,48%		Chưa hoàn thành
2	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo Sở Công thương	8,5%	8,5%	10,116%		Đã hoàn thành.
3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công thương, VCCI, Hiệp hội SME, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	90%	90%	90,1%		10.402/11.549 DNNVV. Đã hoàn thành chỉ tiêu của UBND và tỉnh
4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công thương, VCCI, Hiệp hội SME, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	30%	30%	50,13%		5790/11549 DNNVV Đã hoàn thành chỉ tiêu của UBND và tỉnh
5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	Cục Thuế	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo Cục Thuế	-	100%	100%		Hoàn thành
6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa có website với tên miền .vn	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	-	50%	51%		Hoàn thành
7	Tỷ lệ sản phẩm có giấy chứng nhận	UBND các	Sở Nông nghiệp	Lãnh đạo Sở	-	50%	100%		Hoàn thành

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Chỉ tiêu của UBND năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Kết quả đạt được trong năm 2023	Số liệu	Đánh giá
	OCOP của tỉnh đủ điều kiện được đưa lên sàn thương mại điện tử.	huyện, thị xã, thành phố	và PTNT	Nông nghiệp và PTNT					
8	Tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử (có gian hàng)	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	-	85%	85%		Hoàn thành
III	Xã hội số (đã hoàn thành 08/09 chỉ tiêu của UBND, 14/15 chỉ tiêu của tỉnh)								
1	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp viễn thông, Sở LĐTB&XH, UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	80%	Phấn đấu 100%	97,5%		Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu của UBND.
2	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp viễn thông; UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	85%	Phấn đấu 100%	105,48%		Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu của UBND, tỉnh.
3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử	Công an tỉnh	UBND cấp huyện	Lãnh đạo Công an tỉnh	30%	30% - 50%	63,86%		- UBND giao dân số trưởng thành: 581.830/911.125 = 63,86% (đã hoàn thành) - Bộ Công an giao số lượng người: 581.830/615.198 = 94,58% (đã hoàn thành và vượt)
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	20%	20%	3,42%	31.157/ 911.125 CKS	Chưa hoàn thành
5	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân	Ngân hàng Nhà nước	Các sở, ban, ngành, địa	Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước	75%	Phấn đấu 85%	85,02%		Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu của

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Chỉ tiêu của UBND năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Kết quả đạt được trong năm 2023	Số liệu	Đánh giá
	hàng hoặc tổ chức được phép khác.		phương						UBND. 622.231/911.125 tài khoản. Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu của UBND.
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	60%	60%	68,29%		Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu của UBND.
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Y tế	30%	30%	30%		Đã hoàn thành
8	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Y tế	80%	Phân đầu 90% - 95%	91%		Đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu của UBND.
9	Tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học đang hoạt động đào tạo các trình độ cao đẳng, đại học đã tiến hành rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích, xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động Thương binh và XH	Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động Thương binh và XH	100%	100%	100%		Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu, Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ đã thực hiện. Hoàn thành
10	Tỷ lệ hộ gia đình trên toàn tỉnh được lắp đặt công tơ điện từ loại tự động gửi chỉ số điện	Sở Công thương	Điện lực tỉnh, UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Công thương	-	Phân đầu 100%	100%		Hoàn thành
11	Tỷ lệ trường học các cấp triển khai ký số trên học bạ điện tử	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; Truyền thông;	Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo	-	Phân đầu 100%	100%		Hoàn thành
12	Thanh toán hóa đơn viễn thông, truyền hình không dùng tiền mặt	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp;	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	-	Phân đầu 100%	93,8%		Hoàn thành

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Chỉ tiêu của UBND năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Kết quả đạt được trong năm 2023	Số liệu	Đánh giá
13	Thanh toán hóa đơn nước không dùng tiền mặt	Sở NN&PTNT	Công ty Cấp nước; Trung tâm nước sạch; UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở NN&PTNT	-	Phân đầu 80%	80,18%		Hoàn thành
14	Thực đẩy các siêu thị, nhà hàng, trung tâm mua sắm, tiêu thương,... chấp nhận phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	UBND cấp huyện	Ngân hàng Nhà nước, Sở Công thương	Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước, Sở Công thương	-	70%	94,27%		9.738/ 10.329 cơ sở. Hoàn thành
15	Số người hưởng lương hưu, trợ cấp sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt	Sở LĐT&XH, Bảo hiểm XH tỉnh	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Lãnh đạo Sở LĐT&XH	-	60-70%	63%		Hoàn thành



Phụ lục III

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN ĐỘI SỐ NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh năm 2023)

I	Chính quyền số	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được trong năm 2023
1	Rà soát, ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2023	Quyết định số 3827/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh.
2	Xây dựng, ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý và mức độ tối thiểu cần đạt được trong từng giai đoạn của kế hoạch; cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2023	Quyết định số 3826/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh.
3	Hoàn thành cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2023	Sở TT&TT đang thẩm định Đề cương và dự toán chi tiết. Trong quý IV/2023, sẽ trình UBND tỉnh phê duyệt.
4	Tiên phong trong việc tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 9/2023	Đã hoàn thành. Báo cáo số 218/BC-STTTT ngày 04/12/2023.
5	Triển khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2023	Sở TT&TT đang thẩm định Đề cương và dự toán chi tiết.
6	Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý như duy trì, hoàn thiện, nâng cấp các phần mềm, hệ thống thông tin hiện có của tỉnh; tập trung xây dựng, triển khai các phần mềm, hệ thống thông tin chuyên ngành còn thiếu; chú trọng tạo lập dữ liệu, số hóa dữ liệu chuyên ngành; số hóa tài liệu lưu	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2023	- CSDL ngành Công thương: đang tổ chức thực hiện đầu thầu. - CSDL ngành KH&CN: đang tổ chức lựa chọn nhà thầu.

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được trong năm 2023
	trữ không ở định dạng điện tử tại Lưu trữ lịch sử tỉnh; cơ sở dữ liệu ngành Tài chính.				<ul style="list-style-type: none"> - CSDL ngành VH&TT: Trên cơ sở đồng ý chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 16438/UBND-VP ngày 24/11/2023, hiện tại Sở VH&TT đang thực hiện các bước tiếp theo. - Chưa xin chủ trương UBND tỉnh để triển khai CSDL ngành: Sở Ngoại vụ, Ban QLKCN. - Số hóa tài liệu tại Lưu trữ LS tỉnh: Sở Nội vụ đang xây dựng Đề cương và dự toán chi tiết.
7	Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến như ban hành Quyết định giao chỉ tiêu thực hiện DVCCTT.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2023	Đã hoàn thành theo Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh.
8	Hoàn thành triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở hợp nhất Cổng dịch vụ công và hệ thống Một cửa điện tử.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên	Đã hoàn thành và đang duy trì vận hành
9	Ban hành kế hoạch triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2023	Đã hoàn thành
10	Triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật như kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư (Đề án 06) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Quý I/2023	Đã hoàn thành
11	Bổ sung chức năng, nhiệm vụ tham mưu về chuyên đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông và phòng chuyên môn	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Quý IV/2023	Đã hoàn thành theo Quyết định số 27/2023/QĐ-

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được trong năm 2023
	tương ứng ở cấp huyện. KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN Ở TỈNH CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ ĐAM BẢO LỰC LƯỢNG NÔNG CỐT THAM MƯU CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ TRỰC TIẾP VẬN HÀNH CÁC HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ.				UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh.
12	HƯỚNG DẪN, ĐƠN ĐỐC, KIỂM TRA TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Quý II-III/2023	Đã hoàn thành.
13	Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã, khu phố, thôn, ấp nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số, đưa công nghệ số vào mọi ngõ ngách cuộc sống.	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng tháng	Đang duy trì, thực hiện (hoàn thành)
14	Triển khai ứng dụng biên lai điện tử trong thu phí, lệ phí thủ tục hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp.	Cục Thuế	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2023	Đã hoàn thành
15	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2023	Đã hoàn thành
16	Chuyển đổi IPv6 trong hạ tầng mạng lưới, dịch vụ của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Đề án đã được phê duyệt	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2023	Đã hoàn thiện Đề cương và dự toán chi tiết; đang thực hiện thẩm định giá thiết bị, phần mềm, dịch vụ phục vụ chuyển đổi IPv6 trong hạ tầng mạng lưới, dịch vụ của CQNN trên địa bàn tỉnh BR-VT.
17	Tiếp tục thực hiện kế hoạch thuế Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2023	Đang xây dựng Kế hoạch thuế Trung tâm THDL tỉnh giai đoạn 2024-2028.

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được trong năm 2023
18	Xây dựng, triển khai hệ thống Tổng đài tự động CALLBOT giải đáp các thủ tục hành chính công của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2023	Sở TT&TT đang tiếp tục lấy ý kiến của VPUBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nội vụ.
19	Xây dựng Kho dữ liệu số của tỉnh (giai đoạn 1)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2023	Sở TT&TT đang giải trình theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.
20	Triển khai ứng dụng Zalo để thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2023	Hoàn thành.
II	Kinh tế số				
1	Ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2023	Đã hoàn thành theo Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh.
2	Triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế thuộc phạm vi quản lý.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở LĐTB&XH	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2023	Đã thực hiện (hoàn thành)
3	Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Ngân hàng Nhà nước	Hàng tháng	Đang duy trì thực hiện (hoàn thành)
4	Thúc đẩy sử dụng nền tảng hợp đồng lao động điện tử trong doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng lao động	Sở LĐTBXH; Ban các QLKC/N; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Công thương, VCCI, Hiệp hội SME, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	12/2023	Đang phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp nền tảng hợp đồng lao động điện tử để thực hiện.
5	Đẩy mạnh số hóa điểm đến du lịch bằng mã QR (155 điểm)	Sở Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý II/2023	Đã đưa vào vận hành (hoàn thành)
III	Xã hội số				

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được trong năm 2023
1	Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở đại trà về kỹ năng số (MOOCS) phù hợp với Khung kỹ năng số quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Theo chương trình của Bộ TT&TT	Dự kiến Bộ TT&TT sẽ tập huấn trong tháng 12/2023.
2	Thực đẩy chuyển đổi số trong quản lý, vận hành, khai thác hạ tầng khu công nghiệp.	Ban Quản lý các KCN	Chủ hạ tầng quản lý các Khu công nghiệp; Các sở, ngành, địa phương liên quan	Quý IV/2023	Ban QLCKCN chưa bổ sung văn bản, hồ sơ để thẩm định theo Công văn 70/S/TTT-VTCNTT ngày 13/01/2023 của Sở TT&TT.
3	Chuyển đổi thư viện truyền thông sang thư viện điện tử	Sở Văn hóa và Thể thao	Thư viện tỉnh; UBND cấp huyện	Quý IV/2023	Đã hoàn thành.
IV	Về phát triển Đô thị thông minh và triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân				
1	Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ICT sẵn sàng, đủ điều kiện tối thiểu cho phát triển các dịch vụ đô thị thông minh (giai đoạn 1).	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan	2023	Ngay khi có ý kiến của Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (theo đề xuất của Ban cán sự đảng UBND tỉnh tại văn số 2982-CV/BCSD ngày 24/8/2023; Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh tại văn bản số 694-BC/ĐD ngày 09/11/2023), Sở có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
2	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành Đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan	2023	
3	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý giáo dục thông minh (giai đoạn 1)	Sở GD&ĐT	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	
4	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý y tế thông minh (giai đoạn 1)	Sở Y tế	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	
5	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý tài nguyên, môi trường thông minh (giai đoạn 1)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	

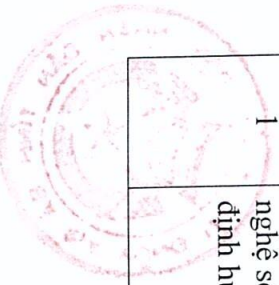
TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được trong năm 2023
6	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý và hỗ trợ du lịch thông minh (giai đoạn 1)	Sở Du lịch	Truyền thông Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2020-2022, định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.
7	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích thông minh phục vụ quản lý giao thông (giai đoạn 1)	Sở Giao thông Vận tải	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	
8	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích thông minh phục vụ quản lý, giám sát xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông và đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội (giai đoạn 1)	Công an Tỉnh	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	Đã hoàn thành (phần cấp thẩm quyền cho thành phố Vũng Tàu triển khai theo quy định)
9	Xây dựng hệ thống quản lý điều hành đô thị thông minh thành phố Vũng Tàu	UBND thành phố Vũng Tàu	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	Đang thực hiện
10	Triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân và nhu cầu đô thị đặc thù tại địa phương.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT	2023	Đang thực hiện



Phụ lục IV
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024
Kiểm tra Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông đại chúng, truyền thanh cơ sở.	Các sở, ban, ngành; địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	Ban hành văn bản triển khai; kinh phí thường xuyên của đơn vị
2	Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, tổ chức các Hội nghị, Hội thảo chuyên đề về chuyển đổi số; phổ cập kỹ năng số, chuyển đổi số cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành; địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý III/2024	Kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.
3	Tuyên truyền cán bộ, công chức, viên chức, người dân hưởng ứng tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia (Zalo) để cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.	Các sở, ban, ngành; địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên của đơn vị.
4	Tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng.	Các sở, ban, ngành; địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.
5	Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, nhất là dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số với nội dung thiết thực, hiệu quả, có kế hoạch, nội dung cụ thể.	Các sở, ban, ngành; địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.
6	Xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai hướng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024.	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành; địa phương	Quý IV/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND.

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
II	Thẻ chế số				Kinh phí thường xuyên của đơn vị.
1	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý I/2024	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 29/02/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 13/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giao dịch điện tử.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; địa phương	Quý III/2024	Ban hành văn bản triển khai; không có kinh phí
3	Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu xây dựng và ban hành quy chế quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.	Các sở, ban, ngành; địa phương	Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Ban hành văn bản; không có kinh phí
4	Ban hành Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phiên bản cập nhật 3.0	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; địa phương	Quý IV/2024	Ban hành Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh (Chưa được bố trí kinh phí)
III	Về công nghiệp công nghệ thông tin				
1	Triển khai Kế hoạch thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; địa phương	Quý II/2024	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 18/3/2024 của UBND tỉnh. (Ban hành văn bản; không có kinh phí)



STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2	Ban hành, triển khai Đề án xây dựng vùng động lực công nghiệp CNTT, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, Sở Xây dựng, UBND TP Vũng Tàu	Quý IV/2024	Sau khi Chính phủ ban hành Quyết định, làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ cụ thể. (Ban hành văn bản; không bố trí kinh phí).
3	Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin, công nghệ số trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, phát triển, sản xuất và cung cấp các giải pháp, sản phẩm, nền tảng công nghệ số ứng dụng cho ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Triển khai Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 18/3/2024 của UBND tỉnh. (Không bố trí kinh phí).
4	Thực đẩy hình thành doanh nghiệp công nghệ số từ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp khoa học công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.
IV	Về số hóa các ngành kinh tế				
1	Triển khai ứng dụng công cụ đánh giá, đo lường tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.	Cục Thống kê	Sở KH&ĐT, Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Theo quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định GRDP do Tổng cục thống kê tính toán và cung cấp số liệu.
2	Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện khâu đột phá về chuyển đổi số tại các ngành, lĩnh vực như:				

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2.1	Y tế.	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Kế hoạch số 43/KH-SYT ngày 28/2/2024
2.2	Giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Kế hoạch 454/KH-SGDDT ngày 26/01/2024
2.3	Giao thông vận tải; logistics trong hậu cần cảng.	Sở Giao thông vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Kế hoạch số 1059/KH-SGTVT ngày 28/02/2024
2.4	Tài nguyên và môi trường.	Sở Tài nguyên và môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Kế hoạch số 09/KH-STNMT ngày 29/01/2024
2.5	Du lịch.	Sở Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Văn bản 263/SDL-VP ngày 28/01/2024
2.6	Tài chính ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước – Chi nhánh tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Xây dựng kế hoạch triển khai
2.7	Nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Xây dựng kế hoạch triển khai.
2.8	Công nghiệp, năng lượng, thương mại.	Sở Công thương	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Văn bản số 304/SCT-VP ngày 31/01/2024
3	Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án liên quan đến công nghiệp công nghệ thông tin (<i>các sản phẩm điện, điện tử, vi mạch, bán dẫn, các sản phẩm internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo...</i>) trong các khu công nghiệp.	Sở KH&ĐT, Ban quản lý các Khu công nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Triển khai xúc tiến thu hút đầu tư.

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
V	Về quản trị số				
1	Triển khai, vận hành các Nền tảng: Phân tích xử lý dữ liệu tình; Trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; Trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức; Giám sát An ninh mạng (SOC); Hệ thống rà quét, khai thác thông tin trên môi trường mạng (giám sát mạng xã hội).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Kinh phí Giám sát mạng xã hội đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND.
2	Triển khai, vận hành Nền tảng Chi đạo điều hành và quản trị cho cơ quan quản lý nhà nước (Nâng cấp, phát triển phần mềm Chi đạo điều hành thành "Hệ thống theo dõi nhiệm vụ")	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Có nhiệm vụ trong Quyết định 3568/QĐ-UBND (Chưa được bố trí kinh phí)
VI	Về dữ liệu số				
1	Triển khai thử nghiệm Kho dữ liệu số và Công cụ dữ liệu mở của tỉnh nhằm cung cấp dữ liệu mở cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu, tổ chức đánh giá trước khi thực hiện các thủ tục đầu tư.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Chưa bố trí kinh phí
2	Triển khai kế hoạch về dữ liệu mở, công bố danh mục dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý. Rà soát, ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2024	Ban hành văn bản; không có kinh phí
3	Tổ chức triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước. Đẩy mạnh triển khai, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên địa bàn tỉnh; kết nối thời gian thực với IOC, Kho dữ liệu số.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Chưa bố trí kinh phí
4	Triển khai chức năng "Kho dữ liệu của cá nhân, tổ chức và của cán bộ, công chức" và "Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa	Quý III/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang (Chưa bố

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	thu tục hành chính” (bao gồm tính năng OCR - công nghệ nhận dạng và bóc tách dữ liệu) tích hợp vào Hệ thống thông tin Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Triển khai ứng dụng chuyên đổi văn bản thành giọng nói tích hợp vào Trang/Cổng thông tin điện tử.		phương		trí (kinh phí)
5	Tập trung xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành như: hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành Khoa học và Công nghệ; hệ thống thông tin - phần mềm quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu ngành Công Thương; Hệ thống cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao; Số hóa tài liệu lưu trữ không ở định dạng điện tử tại Lưu trữ lịch sử tỉnh; cơ sở dữ liệu ngành Xây dựng; Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi, hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sở KH&CN, Sở Công thương, Sở VH&TT, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý IV/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang; Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND; gồm KH&CN; VH&TT; Xây dựng; CSDL thủy lợi; phần mềm CBCCVC.
6	Triển khai Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND.
7	Thiết lập cơ sở dữ liệu và số hóa thông tin đa dạng sinh học và phân bố các loài sinh vật trong Vườn quốc gia Côn Đảo.	Ban quản lý vườn quốc gia Côn Đảo	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính	Quý IV/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND
8	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đất đai.	Sở Tài nguyên & Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV/2024	Nhiệm vụ thường xuyên
VII	Hạ tầng số				

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Thực hiện kế hoạch thuê Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đáp ứng nhu cầu dùng chung hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng được triển khai trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang; Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND.
2	Tiếp tục thực hiện chuyển đổi IPv6 trong hạ tầng mạng lưới, dịch vụ của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Đề án đã được phê duyệt.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang (Chưa bố trí kinh phí)
3	Tiếp tục triển khai và hoàn thiện nâng cấp hạ tầng mạng của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã kết nối hạ tầng WAN của tỉnh, nhằm đảm bảo an toàn thông tin, hoạt động ổn định, thông suốt; đảm bảo kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công việc nhanh chóng, hiệu quả hơn.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan	Quý IV/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND
4	Phát triển mạng viễn thông hiệu quả và bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạng viễn thông tại các vùng lùm sóng trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động đạt 40 Mbps. Khuyến khích các doanh nghiệp nhân rộng việc xây dựng, phát triển mạng 5G trên địa bàn tỉnh	Các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý IV/2024	Kinh phí của doanh nghiệp.
VIII	Nền tảng số				
1	Hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh, kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang (chưa bố trí kinh phí)
2	Triển khai sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến, nền tảng đại học số và kho tài nguyên giáo dục số quốc gia phục vụ công tác giảng dạy cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan,	Quý IV/2024	Triển khai theo quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	Triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, hoàn thành chỉ tiêu của tỉnh về thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.		đơn vị liên quan		
3		Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Triển khai theo quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế
4	Triển khai các nền tảng theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông như: Nền tảng Trợ lý ảo; Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia; Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia; Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động; Nền tảng QR Code liên thông;...	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Triển khai theo quy định, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.
IX	Nhân lực số				
1	Cử thành viên tham gia các chương trình đào tạo về Chuyển đổi số do Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức để nắm bắt và triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Triển khai theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.
2	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2024	Quyết định 3835/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
3	Triển khai đào tạo nhân lực số trong cơ sở giáo dục đào tạo cao đẳng, đại học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	Triển khai theo quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT
X	An toàn thông tin mạng				

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo cấp độ cho hệ thống thông tin Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh; Triển khai Hệ thống phòng, chống virus máy tính tập trung cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan	Quý III/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND.
2	Sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và các nền tảng khác để đẩy nhanh quá trình xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp độ và triển khai phương án bảo vệ an toàn thông tin theo cấp độ.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
3	Tổ chức diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2024.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND.
4	Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia;	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Ban hành văn bản; không có kinh phí
5	Tổ chức hội nghị, hội thảo tuyên truyền nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND.
6	Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về an toàn thông tin cho đối tượng chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3835/QĐ-UBND ngày 29/12/2023
XI	Chính quyền số				
1	Triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả	Các sở, ban, ngành,	Sở Thông tin và	Thường	Tham mưu văn bản

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 19/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.	UBND cấp huyện, cấp xã	Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	xuyên	triển khai (không sử dụng kinh phí)
2	Thường xuyên rà soát, công bố, công khai Danh mục dịch vụ công trực tuyến trong nội bộ các cơ quan nhà nước.	VP UBND tỉnh Các sở, ban, ngành; địa phương	VP UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông.	Thường xuyên	Cập nhật và công khai danh mục Dịch vụ công; không có kinh phí
3	Duy trì, hoàn thiện kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư (Đề án 06) với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Tiếp tục duy trì
4	Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II-III/2024	Ban hành văn bản triển khai (sử dụng kinh phí Ban Chỉ đạo CDS tỉnh)
5	Tiếp tục triển khai ứng dụng biên lai điện tử trong thu phí, lệ phí thủ tục hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp.	các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông, Cục thuế, Sở Tài chính	Quý III/2024	Không có kinh phí (triển khai theo nhu cầu của các cơ quan đơn vị với đơn vị cung cấp)
6	Xây dựng, triển khai hệ thống Tổng đài tự động CallBot giải đáp các thủ tục hành chính công của tỉnh; Duy trì đường dây nóng của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang; Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND
7	Duy trì thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin Báo cáo tình Bà Rịa - Vũng Tàu.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông,	Quý IV/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
8	Tiếp tục thực hiện phần việc còn lại của nhiệm vụ “Xây dựng ngân hàng câu hỏi trực tuyến trên nền tảng và giải pháp số cho bài kiểm tra, khảo sát và kiểm tra trực tuyến với một số môn trong trường phổ thông”.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính	Quý IV/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND.
9	Triển khai mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh để phục vụ họp trực tuyến các cấp.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND.
10	Xây dựng, tích hợp hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại lưu trữ cơ quan vào phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành liên quan	Quý IV/2024	Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND.
11	Đánh giá việc triển khai thí điểm xã chuyển đổi số (xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa), tiến tới nhân rộng một vài xã, phường trên địa bàn.	UBND thành phố Bà Rịa	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	Ban hành văn bản
12	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù cho lực lượng cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn, an ninh mạng trong cơ quan nhà nước sau khi Chính phủ ban hành Nghị định.	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan	Quý III/2024	Tham mưu văn bản triển khai
13	Xây dựng chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số, phần mềm chấm điểm Chỉ số Chuyển đổi số (DTT) của tỉnh; App Dịch vụ công; triển khai Mimi app Zalo để thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính; Nâng cấp hệ thống Thư điện tử công vụ và mua sắm Thiết bị bảo mật cho hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan.	Quý IV/2024	- Phần mềm chấm điểm DTT: đã tham mưu chủ trương tại Công 367/STTT-CDSBCVT ngày

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
					<p>28/2/2024.</p> <ul style="list-style-type: none"> - App DVC: Chưa bố trí kinh phí. - Mini app Zalo: Không sử dụng kinh phí. - Chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số: chưa bố trí kinh phí - Nâng cấp hệ thống Thư điện tử công vụ và thiết bị: Chưa bố trí kinh phí.
14	Cập nhật Chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh phù hợp với tiêu chí đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; địa phương	Quý III/2024	Ban hành văn bản; không có kinh phí
XII	Kinh tế số				
1	Khuyến khích ứng dụng các giải pháp thanh toán trực tuyến trong xã hội.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Ngân hàng Nhà nước	Hàng tháng	Đang duy trì thực hiện.
2	Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa để phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Sở KH&ĐT, Sở Công thương, Ban Quản lý các KCN.	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 2024: tổ chức hội nghị triển khai Quyết định số 37/QĐ-UBND - Kinh phí tổ chức hội nghị đã được bố trí tại

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
3	Thúc đẩy thương mại điện tử, thương mại số, đặc biệt là thương mại điện tử vùng nông thôn, đưa bà con nông dân buôn bán, cung cấp hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử.	Sở Công thương, Sở NN&PTNT	UBND cấp huyện, cấp xã	Quý II/2024	Tiếp tục triển khai thực hiện.
4	Tiếp tục đẩy mạnh sử dụng hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử gắn với phát triển kinh tế số.	Cục thuế; Sở LDTB&XH; Sở KH&ĐT; Ban QLCKCN; UBND cấp huyện	Sở Công thương, VCCI, Hiệp hội SME, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	Quý III/2024	Tiếp tục triển khai thực hiện.
XI	Xã hội số				
1	Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở đại trà về kỹ năng số (MOOCS) do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Duy trì theo chương trình của Bộ TT&TT	Không sử dụng kinh phí
2	Tiếp tục thiết lập, triển khai hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã, khu phố, thôn, ấp, hướng tới hiệu quả; trong đó, Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Mua sắm trực tuyến; Thanh toán trực tuyến; Tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Ngoài ra, tổ chức hướng dẫn thêm kỹ năng số cơ bản khác như sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, Du lịch, Logistics, Y tế, Giáo dục,...	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng tháng	Tiếp tục triển khai thực hiện.

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
XIII	Về phát triển đô thị thông minh và triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân:				
1	Trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2020-2022, định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, các sở, ngành liên quan	Quý IV/2024	Ban hành văn bản
2	Chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu trên nền tảng ICT, số hóa dữ liệu, tiên tiến hình thành kho dữ liệu số của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan	Quý IV/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang (Chưa bố trí kinh phí)
3	Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ICT sẵn sàng, đủ điều kiện tối thiểu cho phát triển các dịch vụ đô thị thông minh (giai đoạn 1).	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan	Quý IV/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang (Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND)
4	Dưa vào vận hành chính thức Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan	Quý IV/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang; Kinh phí đã được bố trí tại Quyết định 3568/QĐ-UBND
5	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý thông minh đối với các ngành, lĩnh vực: giáo dục, y tế, du lịch, giao thông vận tải.	Sở GD&ĐT, Sở Y tế, Sở Du lịch, Sở GT-VT	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính	Quý IV/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang (Chưa bố trí kinh phí)

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
6	Triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân và nhu cầu đô thị đặc thù tại địa phương.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT	Quý III/2024	Nhiệm vụ năm 2023 chuyển sang (Chưa bố trí kinh phí)